

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 04425/2025/PKQ (2896-5/KQPT/2025)

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm lấy mẫu : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : NT2
Mã mẫu : NT130625-050
Ngày lấy mẫu : 13/06/2025
Ngày trả kết quả : 09/07/2025

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT2	Cột A, Cmax
1	Độ màu ^(b)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL = 5)	150 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	27,1	40
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,91	6 ÷ 9
4	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	354	-
5	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	3,08	36,3
6	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	9,43	90,75
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	24	60,5
8	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL = 0,002)	0,0605
9	NO ₃ ⁻ N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	3,95	-
10	PO ₄ ³⁻ P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,635	-
11	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,060)	1,21
12	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL = 0,020)	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiêu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



13	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,4	6,05
14	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,09	6,05
15	Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	2,3 x 10 ³	3.000

Chú thích:

+ (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

+ (1): Theo giấy phép xả thải vào nguồn nước của UBND tỉnh Thanh Hóa số 427/GP-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2016.

Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:

+ NT2: Nước thải công nghiệp sau xử lý. Tọa độ: 2279731, 483031

Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Cột A, Cmax: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Cmax: (Kq=1,1 và Kf=1,1)

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2025

TM PHÒNG PHÂN TÍCH

Mai Hoàng Anh

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 0815856611 Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 04421/2025/PKQ (2896-1/KQPT/2025)

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV THUỶ ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm lấy mẫu : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu : Nước mặt Số mẫu: 1 Ký hiệu : NM1
Mã mẫu : NM130625-008
Ngày lấy mẫu : 13/06/2025
Ngày trả kết quả : 09/07/2025

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 2 – Mức B
				NM1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,94	6 ÷ 8,5
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20° C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	5,30	≤ 6
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	12,6	≤ 15
4	DO ^(b)	mg/l	TCVN 7325: 2016	6,32	≥ 5
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	145	≤ 100
6	NH ₄ ⁺ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,15	0,3 ⁽¹⁾
7	Clorua (Cl) ^(b)	mg/l	TCVN 6194:1996	19,9	250 ⁽¹⁾
8	Florua (F) ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-F- .B&D:2017	0,31	1 ⁽¹⁾
9	NO ₂ ⁻ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6178:1996	KPH (MDL = 0,004)	0,05 ⁽¹⁾
10	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6180:1996	1,26	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



11	PO ₄ ³⁻ P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,032	-
12	CN ^(b)	mg/l	TCVN 6181:1996	0,0078	0,01⁽¹⁾
13	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114 B:2017	KPH (MDL = 0,002)	0,01⁽¹⁾
14	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0005)	0,005⁽¹⁾
15	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,002)	0,02⁽¹⁾
16	Crom VI ^(b)	mg/l	SMEWW 3500 Cr-B:2017	KPH (MDL = 0,003)	0,01⁽¹⁾
17	Tổng Cr ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,05⁽¹⁾
18	Đồng (Cu) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,02)	0,1⁽¹⁾
19	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,01)	0,5⁽¹⁾
20	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL = 0,01)	0,1⁽¹⁾
21	Mangan (Mn) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,020)	0,1⁽¹⁾
22	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/l	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL = 0,0003)	0,001⁽¹⁾
23	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,5⁽¹⁾
24	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL = 0,020)	0,1⁽¹⁾
25	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/l	SMEWW 5520.B:2017	1,2	5⁽¹⁾
26	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ^(d)	mg/l	TCVN 6634:2000	1,6	≤ 6
27	Coliforms ^(b)	MPN/100 ml	SMEWW 9221B:2017	3,5 x 10 ³	≤ 5000
28	E.coli ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221F:2017	KPH	20⁽¹⁾

Chú thích:

+ (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

+ (d)- Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 26 do Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - (Vimcerts 079) thực hiện.

Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:

+ NM1: Nước mặt tiếp nhận nước thải công nghiệp. Tọa độ: 2279736, 483035.

Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

+ Bảng 2 - Mức B: Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;

+ ⁽¹⁾Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2025

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Mai Hoàng Anh

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 316

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 0815856611 Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

SỐ: 04422/2025/PKQ (2896-2/KQPT/2025)

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm lấy mẫu : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu : Nước mặt Số mẫu: 1 Ký hiệu : NM2
Mã mẫu : NM130625-009
Ngày lấy mẫu : 13/06/2025
Ngày trả kết quả : 09/07/2025



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 2 – Mức B
				NM2	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,89	6 ÷ 8,5
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	5,60	≤ 6
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	12,6	≤ 15
4	DO ^(b)	mg/l	TCVN 7325: 2016	6,24	≥ 5
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	132	≤ 100
6	NH ₄ ⁺ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,16	0,3 ⁽¹⁾
7	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/l	TCVN 6194:1996	21,0	250 ⁽¹⁾
8	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-F- .B&D:2017	0,30	1 ⁽¹⁾
9	NO ₂ ⁻ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6178:1996	KPH (MDL = 0,004)	0,05 ⁽¹⁾
10	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	TCVN 6180:1996	1,1	-
11	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,065	-

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



12	CN ^(b)	mg/l	TCVN 6181:1996	0,009	0,01⁽¹⁾
13	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114 B:2017	KPH (MDL = 0,002)	0,01⁽¹⁾
14	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,0005)	0,005⁽¹⁾
15	Chì (Pb) ^(b)	mg/l	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL = 0,002)	0,02⁽¹⁾
16	Crom VI ^(b)	mg/l	SMEWW 3500 Cr-B:2017	KPH (MDL = 0,003)	0,01⁽¹⁾
17	Tổng Cr ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,05⁽¹⁾
18	Đồng (Cu) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,02)	0,1⁽¹⁾
19	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/l	TCVN 6193:1996	KPH (MDL = 0,01)	0,5⁽¹⁾
20	Niken (Ni) ^(b)	mg/l	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL = 0,01)	0,1⁽¹⁾
21	Mangan (Mn) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,020)	0,1⁽¹⁾
22	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/l	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL = 0,0003)	0,001⁽¹⁾
23	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,01)	0,5⁽¹⁾
24	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL = 0,020)	0,1⁽¹⁾
25	Tổng dầu mỡ ^(b)	mg/l	SMEWW 5520.B:2017	1,2	5⁽¹⁾
26	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ^(d)	mg/l	TCVN 6634:2000	1,5	≤ 6
27	Coliforms ^(b)	MPN/100 ml	SMEWW 9221B:2017	2,8 x 10 ³	≤ 5000
28	E.coli ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221F:2017	KPH	20⁽¹⁾

Chú thích:

+ (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

+ (d)- Chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 26 do Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - (Vimcerts 079) thực hiện;

Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:

+ NM2: Nước Nước mặt tiếp nhận nước thải sinh hoạt. Tọa độ: 2279381, 484695

Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

+ Bảng 2 - Mức B: Bảng 2: Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, và bảo vệ môi trường sống dưới nước; Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hoà tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



+ ⁽¹⁾Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2025

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Mai Hoàng Anh

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 316

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội

Tel: 0815856611 Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 04424/2025/PKQ (2896-4/KQPT/2025)

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV THUỶ ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa điểm lấy mẫu : Xã Trung Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : NT1
Mã mẫu : NT130625-049
Ngày lấy mẫu : 13/06/2025
Ngày trả kết quả : 09/07/2025

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/ BTNMT
				NT1	Cột A, Cmax, K=1,2
1	Độ màu ^(b)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL = 5)	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2017	27,6	-
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,42	5 ÷ 9
4	Tổng chất rắn hòa tan ^(b)	mg/l	TTP.SĐN.N.01	361	600
5	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	3,04	36
6	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/l	SMEWW 5220C:2017	9,43	-
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/l	TCVN 6625:2000	27	60
8	As ^(b)	mg/l	SMEWW 3114B:2017	KPH (MDL = 0,002)	-
9	NO ₃ ⁻ _N ^(b)	mg/l	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .E:2017	2,29	36
10	PO ₄ ³⁻ _P ^(b)	mg/l	TCVN 6202:2008	0,737	7,2
11	Sắt (Fe) ^(b)	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL = 0,060)	-

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



12	Chất hoạt động bề mặt ^(b)	mg/l	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL = 0,020)	6
13	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,4	-
14	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ^(b)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	2,68	6
15	Coliforms ^(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2017	3,9 x 10 ²	3.000

Chú thích:

+ (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts.

Vị trí lấy mẫu/tên mẫu:

+ NT1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý. Tọa độ: 2279352, 489679.

Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Cột A, C_{max}, K=1,2: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2025

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Mai Hoàng Anh

PGIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

